



Hoạt động khoa học công nghệ Trường Đại học kinh tế TP.HCM 30 năm xây dựng và phát triển

PGS.TS. NGUYỄN QUỐC TẾ
Chủ tịch Hội đồng trường

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM là một trường đại học đa ngành trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn các tỉnh phía Nam. Với vị trí của mình trong lãnh đạo và chỉ đạo, nhà trường hết sức coi trọng công tác NCKH đồng thời coi giảng dạy và NCKH là hai nhiệm vụ cơ bản của đội ngũ giáo viên nhà trường. Đặc biệt trong những năm gần đây, thực hiện NQ 26-NQ/TW của Bộ chính trị về "Khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới", NQ/TW2, khóa VIII về "GDĐT và KHCN"; được sự chỉ đạo của Bộ GDĐT, sự hỗ trợ của cơ quan ban ngành, trường ĐHKH TP.HCM đã tập trung sức để tạo ra một bước chuyển biến căn bản trong hoạt động NCKH và công nghệ, thực sự kết hợp

NCKH-LĐSX, gắn nhà trường với thực tiễn, học đi đôi với hành.

Nhờ vậy, trong 30 năm qua, nghiên cứu KHCN của đội ngũ CB-GV đã đóng góp thành tích không nhỏ vào thành tích chung của trường trong việc đón nhận Huân chương Độc lập hạng 3, và danh hiệu "Anh hùng trong thời kỳ đổi mới" của Chủ tịch nước. Nhân sự kiện trọng đại kỷ niệm 30 năm ngày thành lập trường, chúng tôi xin đề cập những nét nổi bật, căn bản hoạt động nghiên cứu KH-CN của trường ĐHKH TP.HCM trong quá trình xây dựng và phát triển.

1. Nội dung hoạt động và kết quả đạt được

Quán triệt quan điểm của Đảng,

coi KHCN là động lực quan trọng của sự nghiệp đổi mới, trường ĐHKH TP.HCM trong quá trình xây dựng và phát triển ở mỗi thời kỳ khác nhau đều xác định mục tiêu của KHCN trong phạm vi nhà trường là hoạt động nghiên cứu để phát huy vai trò của nhà trường đối với xã hội, thực hiện phương châm "học đi đôi với hành", "gắn lý luận với thực tiễn", nâng cao trình độ đội ngũ, chất lượng đào tạo, xứng đáng với vị trí là trung tâm khoa học kinh tế trên địa bàn các tỉnh phía Nam. Do vậy, gắn liền với lịch sử phát triển KTXH của đất nước trong 30 năm, hoạt động NCKH của đội ngũ các nhà khoa học của trường cũng có thể chia làm 2 giai đoạn: 1976-1986 và 1987-2006.

Giai đoạn 1976-1986: Đây là thời

kỳ đất nước hoàn toàn thống nhất, cả nước xây dựng CNXH trong điều kiện có sự hỗ trợ tích cực, nhiều mặt của các nước anh em XHCN đứng đầu là Liên Xô. Trên địa bàn các tỉnh phía Nam, nhiệm vụ, nội dung NCKH được thực hiện theo nhiệm vụ chính trị trung tâm của Đảng và Nhà nước thời bấy giờ là: ổn định, cải tạo và phát triển kinh tế. Nhiều chương trình lớn được đặt ra cho đội ngũ khoa học nhà trường, trong đó có các chương trình điều tra quy hoạch tổng thể một số ngành, vùng trên địa bàn các tỉnh phía Nam nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội 5 năm 1976-1980 và 1981-1985.

Giai đoạn 1987- 2006: Cùng với sự biến đổi đáng kể của nhân loại bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của hòa bình và HTQT, đại hội Đảng lần thứ VI đã mở ra cho nền kinh tế đất nước hướng đi mới: Đổi mới để chuyển từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, trong đó có nhiều thành phần kinh tế tham gia và định hướng đi lên CNXH.

Sự chuyển mình của cơ chế kinh tế trong điều kiện đổi mới đã tác động nhiều mặt đến hoạt động của nhà trường. Hơn lúc nào hết, hoạt động nghiên cứu KHCN của CB-GV đã phát triển mạnh mẽ cả chiều rộng lẫn chiều sâu, đáp ứng được những yêu cầu cấp thiết của thực tiễn cuộc sống.

Kết quả hoạt động NCKH của đội ngũ khoa học nhà trường được thể hiện ở từng nhiệm vụ, với phạm vi và đối tượng nghiên cứu khác nhau.

1.1. Nghiên cứu khoa học phục vụ việc hoạch định chính sách

Đây là nội dung lớn của hoạt động NCKH trong 30 năm qua của trường ĐHKHT TP.HCM. Việc xác định ưu tiên hàng đầu cho hoạt động NCKH trong việc tham gia vào việc nghiên cứu chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước xuất phát từ mục tiêu nghiên cứu và vị trí của trường kinh tế trong lãnh vực khoa học xã hội. Bằng hình thức đăng ký



tham gia nghiên cứu hoặc “đấu thầu” các chương trình, đề tài trọng điểm của nhà nước trong từng thời kỳ, trường đã huy động được hầu hết các nhà khoa học tham gia nghiên cứu.

Giai đoạn 1976-1980, xuất phát từ đặc điểm của đất nước sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhiệm vụ điều tra, quy hoạch tổng thể về tài nguyên thiên nhiên, về nguồn nhân lực của các tỉnh phía Nam, đặc biệt là TP.HCM và các tỉnh ĐBSCL là các chương trình trọng điểm của nhà nước mà trường đăng ký tham gia. Hoạt động KHCN nổi bật trong thời kỳ này là hệ thống các đề tài thuộc chương trình cấp nhà nước điều tra tổng thể các huyện ĐBSCL để phân tích tiềm năng của mỗi huyện mà xây dựng phương hướng sản xuất phù hợp.

Ở giai đoạn 1987-2006, trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, đặc biệt là trong 5 năm gần đây (2001-2005), thông qua việc giao nhiệm vụ hoặc tham gia tuyển chọn với các cơ quan như Hội đồng lý luận TW, Bộ KHCN, trường đã chủ trì nghiên cứu nhiều đề tài lớn như: “Sở hữu tư nhân và các loại hình kinh tế tư nhân trong quá trình CNH, HĐH với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam”. Đây là công trình nghiên cứu được hội đồng lý

luận TW giao cho Trường thực hiện nhằm làm sáng tỏ và phong phú hơn những vấn đề về lý luận liên quan đến sở hữu tư nhân ở một vùng kinh tế năng động. Có thể nói sự phát triển nhanh và có hiệu quả của khu vực kinh tế tư nhân ở các tỉnh phía Nam nói chung và địa bàn TP.HCM đã có những đóng góp nhất định về mặt thực tiễn để làm rõ hơn về mặt lý luận trong phát triển kinh tế nhiều thành phần của quá trình thực hiện đường lối đổi mới ở nước ta.

Bên cạnh đó, với vị trí là trường đại học trọng điểm ở vùng kinh tế năng động của đất nước, trường đã được Bộ KHCN giao chủ trì 2 đề tài liên quan đến thể mạnh của vùng như “Luận cứ khoa học cho các giải pháp tổng thể phát triển KTXH vùng ĐBSCL trong điều kiện chung sống với lũ” (KC-08-16). Đề tài làm rõ căn cứ khoa học cho việc điều chỉnh phương hướng phát triển các ngành, các địa bàn lãnh thổ trong mối quan hệ tổng thể phát triển KT-XH toàn vùng ĐBSCL trong điều kiện chung sống với lũ.

Có thể nói kết quả nghiên cứu của đề tài là những đóng góp có giá trị cao về mặt thực tiễn, góp phần vào tăng sản lượng lúa xuất khẩu và an ninh lương thực của đất nước. Đề tài độc lập “Nghiên cứu những giải pháp phát

triển khu công nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay” (ĐTBL-2003/08). Đây là công trình đầu tiên tổng kết và đưa ra các đánh giá toàn diện thực trạng hoạt động của các khu công nghiệp ở các vùng kinh tế của đất nước sau 10 năm kể từ khi KCN đầu tiên đi vào hoạt động. Đề tài của trường ĐHKI TP.HCM còn thể hiện tính mới mẻ trong việc nghiên cứu sâu kinh nghiệm phát triển thành công của các KCN và KCX ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, từ đó nhân rộng ra các vùng kinh tế khác của đất nước.

Các chương trình, đề tài nhà nước thuộc lãnh vực này trong 30 năm qua đã thu hút hầu hết các nhà khoa học đầu đàn của trường tham gia. Chất lượng các công trình nghiên cứu đều được đánh giá tốt, phù hợp với thực tiễn của vùng kinh tế năng động, có những đóng góp tích cực cho việc hoạch định chủ trương chính sách vừa phù hợp với hoàn cảnh, đặc thù của vùng và trên phạm vi của cả nước.

Về mặt số lượng, các đề tài thuộc các chương trình nhà nước tăng lên không ngừng. Giai đoạn 1976-1986 có 4 đề tài, thì đến giai đoạn 1987-2006 tăng lên tới 11 đề tài. Trong đó có nhiều đề tài có quy mô lớn, huy động đại bộ phận giảng viên ở các ngành tham gia, đồng thời có giá trị cao về mặt kinh phí.

1.2. Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản của khoa học quản lý

Hoạt động NCKH thuộc nội dung này là hệ thống các đề tài cấp Bộ, cấp trường thực hiện trong vòng một đến hai năm. Các đề tài khoa học cấp Bộ được coi như là một trong những nhiệm vụ chủ yếu và thường xuyên của đội ngũ CBGV nhà trường. Trong những năm qua, các đề tài đăng ký nghiên cứu đã bao gồm được hầu hết các nội dung cần nghiên cứu phục vụ phát triển KTXH trên địa bàn TP.HCM, các tỉnh phía Nam và các ngành; phục vụ yêu cầu đổi mới quản lý, nghiên cứu phục vụ giảng dạy và

học tập. Mặt khác, các đề tài cấp Bộ cũng đã góp phần làm phong phú thêm về mặt lý luận làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ, đặc biệt là các chính sách phù hợp cho khu vực phía Nam.

Ngoài chất lượng đã được đánh giá của các đề tài đã nghiệm thu, các đề tài cấp Bộ cũng không ngừng tăng thêm về số lượng. 12 đề tài giai đoạn 1976-1986 đã tăng lên 67 ở giai đoạn 1986-1995 và đặc biệt trong 10 năm gần đây (1996-2005), số lượng đề tài cấp bộ tăng gần 200% (136) so với giai đoạn trước.

Việc hoàn thành đúng tiến độ nghiên cứu, kết quả nghiệm thu đạt khá và xuất sắc của các đề tài cấp Bộ đã góp phần làm sáng tỏ hơn nữa khả năng kết hợp lý luận và thực tiễn của đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng viên của trường. Đồng thời, từng bước xác lập vị trí của Trường, của các nhà khoa học đối với xã hội thông qua năng lực nghiên cứu.

1.3. Nghiên cứu những vấn đề đặt ra từ thực tiễn, gần nhà trường với doanh nghiệp bằng việc chuyển giao kết quả nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu này được thực hiện thông qua các hợp đồng nghiên cứu. Việc ký kết các hợp đồng nghiên cứu với các cơ quan, doanh nghiệp, công ty của các đơn vị trong trường trong những năm qua đã tăng lên đáng kể. Nếu như trong vòng 10 năm (1976-1986) chỉ có từ 8-10 đề tài và thường chỉ ở qui mô nhỏ như: “Qui hoạch mạng lưới CN-TTCN Quận 6” (đề tài đặt hàng của LHXN Q.6 (1979); đề tài “Kết hợp 3 lợi ích theo tinh thần QĐ.25 và 26/CP về kế hoạch 3 phần” của Sở lao động TP.HCM (1980-1981), thì trong giai đoạn 2001-2005, số lượng hợp đồng nghiên cứu tăng lên đáng kể, nhiều đề tài nghiên cứu với các địa phương, các doanh nghiệp có giá trị hợp đồng lên tới 250 triệu.

Ngoài hoạt động nghiên cứu, trong lãnh vực ứng dụng và chuyển

giao kết quả nghiên cứu cần phải được đánh giá đó là công tác đào tạo, tập huấn, thông tin và tư vấn, coi đó là nét đặc thù trong hoạt động NCKH-CN của nhà trường.

Từ năm 1998, xuất phát từ yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, lãnh đạo TP.HCM đã giao cho trường nghiên cứu và xây dựng chương trình đào tạo 1000 giám đốc cho các doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM, kết quả nghiên cứu và thực tiễn triển khai trong những năm qua càng chứng tỏ thế mạnh của nhà trường trong lãnh vực nghiên cứu triển khai. Nếu chỉ tính trong giai đoạn 2001-2005, thông qua chương trình này, nhà trường đã đào tạo hơn 1.500 cán bộ quản lý (đại bộ phận trong số đó là giám đốc các loại hình doanh nghiệp). Với nội dung các chuyên đề phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập AFTA, WTO và đặc biệt là từ khi BTA giữa Việt Nam và Mỹ có hiệu lực đã làm cho chương trình thực sự có ý nghĩa, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao. Các hoạt động nghiên cứu chuyển giao thông qua các chương trình bồi dưỡng đào tạo ngắn hạn được thực hiện thường xuyên ở các viện, trung tâm và đơn vị lao động sản xuất như các chương trình giám đốc thương hiệu (COB), giám đốc tài chính (CFO) của Viện NCKTPT, chương trình giám đốc nhân sự (COP) của Viện Phát triển nguồn nhân lực... Nhờ đó, các đơn vị NCKH-LDSX của trường bao gồm các viện, trung tâm đang là địa chỉ đáng tin cậy của các doanh nghiệp trong chính sách phát triển nguồn nhân lực và hoạt động tư vấn kinh doanh.

Cùng với hoạt động NCKH, chuyển giao kết quả nghiên cứu là công tác thông tin, trao đổi những vấn đề khoa học các công trình nghiên cứu của đội ngũ CB-GV nhà trường cũng được chú ý đúng mức. Tạp chí *Phát triển Kinh tế* của trường với 2 thứ tiếng Việt và Anh, xuất bản định kỳ hàng tháng trên dưới 2000 bản đang là diễn đàn tích cực trong việc trao đổi và thông tin những vấn đề lý luận và thực tiễn của

khoa học kinh tế được xã hội đánh giá cao. Bên cạnh đó, từ năm 2000, dựa vào kết quả của HTQT và sự giúp đỡ của các cơ quan thông tấn, báo chí: Đài truyền hình TP.HCM, Đài truyền hình TW và Đài phát thanh TP.HCM, nhà trường đã xây dựng "Chương trình Đường dây nóng doanh nghiệp". Có thể coi đây là loại hình hoạt động NCKH cá biệt và có hiệu quả của ĐHKTP.HCM đối với doanh nghiệp và cộng đồng trong việc thông tin kịp thời những chủ trương chính sách, những yêu cầu mới trong giao thương quốc tế để tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng thị trường, chủ động phát triển thị phần và sản phẩm kinh doanh... Tính đến năm 2005, trường đã xây dựng hơn 100 chương trình để phát sóng đáp ứng yêu cầu thông tin của doanh nghiệp và các nhà quản lý.

1.4. NCKH với việc đổi mới nội dung, chương trình đào tạo - biên soạn tài liệu học tập

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới mục tiêu đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế chuyển đổi với nhiều thành phần kinh tế, ngay từ những năm đầu của thời kỳ đổi mới, nhà trường đã xác định nghiên cứu đổi mới nội dung chương trình đào tạo, biên soạn tài liệu học tập phù hợp với nội dung và chương trình đào tạo mới là công tác trọng tâm của hoạt động nghiên cứu KHCN.

Từ năm 1989, thực hiện chủ trương về công tác giáo trình của Bộ GDĐT, nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau để đẩy mạnh công tác biên soạn tài liệu. Tính đến nay, trong phạm vi nhà trường đã biên soạn, biên dịch gần 600 đầu sách, hoàn thành cơ bản bước 1 của chương trình đổi mới công tác giáo trình và tài liệu học tập đáp ứng nhu cầu giảng dạy học tập 23 chuyên ngành đào tạo, trong đó có nhiều chuyên ngành mới. Công tác biên soạn, biên dịch tài liệu giáo trình đã mở ra hướng tích cực cho công tác chuẩn hóa công tác giáo trình, trong điều kiện thực hiện chương trình

khung của Bộ từ tháng 7.2004.

Với cách làm trên, nhiều tài liệu học tập của trường đã được xã hội thừa nhận. Tuy chất lượng còn mặt này, mặt khác, song đã đáp ứng được tài liệu cho người học trong điều kiện đổi mới nội dung và chương trình, mục tiêu đào tạo không chỉ cho trong phạm vi nhà trường với qui mô trên dưới 50 ngàn sinh viên, mà còn trở thành giáo trình, tài liệu học cho nhiều trường khác, đặc biệt là các trường thuộc khối kinh tế. Đúng như đánh giá của Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học tháng 8.1994 đã chỉ rõ "Mặc dù đội ngũ các nhà khoa học, cán bộ giảng dạy có kinh nghiệm chưa nhiều, song nhờ có cơ chế năng động của đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên trường ĐHKTP.HCM đã có nhiều thành tích đáng kể trong việc biên soạn và phát hành tài liệu học tập, đáp ứng được yêu cầu học tập của sinh viên".

1.5. Nghiên cứu khoa học - công nghệ trong hợp tác quốc tế

Dựa vào chính sách mở rộng quan hệ HTQT của Đảng và Chính phủ, trong những năm qua nhà trường đã chủ động phát triển các quan hệ hợp tác song phương và đa phương với các trường, tổ chức quốc tế nhằm tranh thủ nguồn kinh phí từ bên ngoài hỗ trợ cho các hoạt động NCKH.

Ngay từ những ngày đầu của công cuộc đổi mới, trong quan hệ với ESCAP, Trường đã đăng ký tham gia đề tài "Vấn đề di chuyển lao động nữ ra các đô thị trong quá trình đô thị hóa" hoàn thành năm 1991, được đánh giá cao và được tổ chức ESCAP cho in thành nhiều thứ tiếng để phát hành như tài liệu chính thức của ESCAP. Trong quan hệ với đại học Yonsei (Hàn quốc), Trường đã được bạn đặt hàng nghiên cứu đề tài "Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở ĐBSCL", kết quả của công trình nghiên cứu đã giúp bạn bè hiểu đầy đủ hơn về những thành công của công cuộc đổi mới trước hết là trong lãnh vực nông nghiệp.

Từ kết quả đó, trong thời gian qua, đặc biệt là 5 năm gần đây, chủ trương tìm kiếm các hình thức NCKH trong các chương trình HTQT được lãnh đạo nhà trường đặc biệt quan tâm và thu được những kết quả đáng khích lệ. Các hình thức chủ yếu trong hoạt động NCKH trong HTQT là: phối hợp nghiên cứu chung đề tài khoa học, trao đổi giảng viên để học hỏi kinh nghiệm phương pháp giảng dạy, nghiên cứu với công nghệ mới, trao đổi học thuật để xây dựng chuyên ngành, môn học mới, hỗ trợ cơ sở vật chất để tiếp nhận công nghệ đào tạo.

Các công trình đáng ghi nhận trong 5 năm qua bao gồm: "Đánh giá hiệu quả kinh tế của cầu Mỹ Thuận" với TLS Úc; "Tác động của toàn cầu hoá đối với giáo dục đại học các nước ASEAN" phối hợp nghiên cứu với Đại học Thành Công (Đài Loan). Đây là những công trình có sự đánh giá nghiêm túc của các cơ quan đối tác, song nhờ chất lượng khá tốt của các công trình nghiên cứu đã giúp cho bạn bè quốc tế đánh giá cao về khả năng NCKH của đội ngũ CBGV trường.

Với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đặc biệt chú trọng khai thác các quan hệ quốc tế trong việc xây dựng nội dung, chương trình giảng dạy và các hoạt động học thuật khác. Có thể nói thành công lớn nhất là thông qua các chương trình dự án đang thực hiện tại trường như : Fulbright (Hoa kỳ), CFVG (Pháp), ISS (Hà Lan), SWISS-AIT (Thụy Sĩ - Thái lan), DIREG (Canada), trường đã xây dựng được nhiều môn học mới phù hợp với cơ chế thị trường.

Ngoài các hoạt động phối hợp nghiên cứu, trường còn tổ chức nhiều "tour nghiên cứu" cho giáo viên và sinh viên các nước trên thế giới đến để tìm hiểu nền KTXH Việt Nam.

Với những kết quả đó, có thể nói rằng nghiên cứu KHCN gắn với HTQT là có hiệu quả, tạo điều kiện cho việc đổi mới nội dung chương trình và hình thành môn học mới trong phạm vi nhà trường.

1.6. NCKH của sinh viên

Học đi đôi với hành, phương châm đó được nhà trường quán triệt và thể hiện cụ thể bằng nhiều chủ trương, trong đó có chủ trương kết hợp giữa trang bị kiến thức trên lớp và tạo điều kiện cho sinh viên tham gia NCKH.

Ngay từ những năm đầu của thời kỳ đổi mới, trường đã đi đầu trong việc ban hành Quy chế NCKH trong sinh viên, trong đó kết hợp chặt chẽ giữa vai trò của trường thông qua phòng QLKH-HTQT với ĐTN-HSV để tổ chức sinh viên hoạt động NCKH.

Việc ban hành các văn bản với các chủ trương và chính sách phù hợp đã mang lại kết quả đáng khích lệ trong lãnh vực này, liên tục trong các năm từ 1988 đến 1996, số lượng công trình NCKH của sinh viên thực hiện tăng nhanh, đặc biệt là loại hình công trình có gắn với đề tài tốt nghiệp của sinh viên cuối khóa. Trong số các công trình đó nhiều công trình nghiên cứu của sinh viên được tuyển chọn để tham gia các cuộc thi sáng tạo trẻ. Trong năm học 1990-1991, 2 sinh viên của trường đã đạt giải nhì cuộc thi NCKH sinh viên do Bộ tổ chức. Năm học 1994-1995, trường có 3 sinh viên đạt giải NCKH cấp Bộ và được tặng bằng khen. Trong những năm gần đây, đặc biệt tháng 3.2000, sau khi Bộ GDĐT ban hành "Quy chế NCKH của sinh viên", phong trào NCKH và đăng ký tham gia các giải thưởng NCKH cấp Bộ đã tăng lên đáng kể.

Trong 5 năm 2001-2005, đã có hơn 1.500 đề tài đăng ký, trong đó có 525 công trình đã hoàn thành và tham gia các giải thưởng NCKH cấp Bộ và TP.HCM. Kết quả trường đã đạt 66 giải thưởng cấp Bộ, với 136 sinh viên đạt giải. Riêng giải Eureka của TP.HCM, trường đạt 60 giải với 142 sinh viên đoạt giải. Trong phạm vi nhà trường, từ năm 2001, đã tổ chức giải "Nhà kinh tế trẻ" hàng năm với hàng trăm công trình sinh viên tham gia và đoạt giải.

Bên cạnh các hoạt động nghiên cứu, một loại hình mới trong hoạt động NCKH sinh viên là các CLB học thuật. Trong những năm gần đây, hàng năm có hơn chục cuộc thi học thuật được tổ chức theo chuyên ngành đã thu hút hàng chục ngàn sinh viên tham gia.

Những kết quả đạt được trên các lãnh vực trong hoạt động NCKH của sinh viên trong thời gian qua, đặc biệt là trong 5 năm gần đây không chỉ đứng ở bề nổi theo dạng phong trào mà thực sự đang được phát triển cả về chất. Thông qua các hoạt động NCKH, đã có tác động tích cực đến phong trào học tập, nhờ đó chất lượng học tập ở các khóa được nâng lên, nhiều hoạt động phong trào của Đoàn, Hội đi vào nề nếp.

2. Những bài học kinh nghiệm

Đánh giá 30 năm hoạt động NCKH, chúng ta có một cái nhìn tổng quát và xuyên suốt về toàn bộ quá trình phấn đấu của đội ngũ CBGV nhà trường. Có thể khẳng định rằng 30 năm qua, chúng ta đã có những bước phát triển mạnh, vững chắc trên tất cả các lĩnh vực của hoạt động KHCN. Đó là kết quả, thành tích của tập thể CBGV nhà trường, là cơ sở niềm tin để chúng ta cố gắng phấn đấu đạt nhiều thành tích hơn nữa trong thời gian tới. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được trong lãnh vực nghiên cứu KHCN, chúng ta cũng còn có những hạn chế, khó khăn. Do vậy, để phát triển KHCN, để nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu, cần phải rút ra những bài học kinh nghiệm của chặng đường đã qua, xây dựng phương hướng cho thời gian tới nhằm phát huy tốt nhất mọi nguồn lực của nhà trường cho nghiên cứu KHCN, những bài học đó là:

2.1. Khai thác tốt nguồn lực trí tuệ của đội ngũ CB-GV nhà trường cho hoạt động KHCN

Nhìn lại các giai đoạn hoạt động KHCN của trường trong thời gian

qua, chúng ta có thể thấy rõ sự chưa đồng đều giữa các đơn vị và cá nhân trong NCKH. Lực lượng đăng ký tham gia nghiên cứu chủ yếu tập trung ở một bộ phận trên dưới 100 CBGV. Số còn lại chưa đầu tư đúng mức cho hoạt động NCKH, có chăng chỉ là tham gia biên soạn tài liệu học tập để sử dụng trực tiếp cho bài giảng của mình.

Quá trình 30 năm qua đã chỉ ra rằng, chỉ khi nào chúng ta biết huy động và khai thác tốt tiềm năng trí tuệ của đội ngũ khoa học thì khi đó chúng ta mới tạo ra một bước phát triển mạnh mẽ trong hoạt động NCKH.

2.2. Đẩy mạnh hoạt động NCKH cần phải nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu

Chất lượng các công trình nghiên cứu là thước đo, là sự thừa nhận của xã hội đối với đội ngũ cán bộ khoa học của trường. Thực tiễn chỉ ra rằng, nếu chất lượng các công trình nghiên cứu tốt, các hợp đồng nghiên cứu sẽ nhiều lên, từ đó nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu cũng tăng lên phù hợp với chủ trương hiện nay của trường trong hoạt động KHCN. Mặt khác, cũng cần làm cho mỗi CBGV phải nhận thức một cách đầy đủ rằng: chất lượng các công trình là yếu tố quan trọng nhất để xác định chỗ đứng, khẳng định vị trí của đội ngũ nhà trường trong hoạt động nghiên cứu đối với xã hội.

2.3. Công tác tổ chức và quản lý tiến độ trong hoạt động NCKH

Muốn đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu KHCN và nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu phải làm tốt công tác tổ chức. Việc tổ chức tốt hoạt động NCKH biểu hiện ở chỗ: phải cụ thể hóa các chủ trương của Đảng ủy, BGH, Công đoàn thành những chương trình cụ thể; phải tiến tới qui trình hóa công tác tổ chức trên cơ sở các qui định liên quan đến hoạt động KHCN đã ban hành trong phạm vi nhà trường để thực hiện quản lý sát sao tiến độ thực hiện các đề tài. Bên cạnh đó công tác khen thưởng kỷ luật phải kịp thời, xác đáng, có như vậy mới đảm bảo được tiến độ, hạn chế

được tình trạng quá hạn của các đề tài nghiên cứu.

2.4. Tận dụng các cơ hội trong hoạt động KHCN

Trong tổ chức hoạt động KHCN, trong thời gian qua chúng ta đã nhiều lần thành công trong việc tận dụng cơ hội, như khi Bộ GDĐT có chủ trương cho vay vốn biên soạn tài liệu học tập, trường đã triển khai thực hiện trên tinh thần khuyến khích đội ngũ CB-GV tích cực tham gia biên soạn, biên dịch giáo trình, tài liệu học tập để kịp thời đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo theo quy trình mới. Nhờ vậy, chỉ trong vòng 5 năm (1991-1995), trường đã biên soạn và ấn hành được trên 200 đầu sách phục vụ kịp thời cho giảng dạy và học tập. Trong lĩnh vực nghiên cứu, với điều kiện kinh phí của trường còn hạn hẹp, nhà trường biết tranh thủ nguồn kinh phí từ bên ngoài để thực hiện được một số đề tài nghiên cứu lớn, một số công trình trọng điểm.

2.5. Đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH-CN

Trong những năm qua, thành tích NCKH của chúng ta bị hạn chế rất nhiều do vấn đề kinh phí nghiên cứu, đặc biệt là trong những năm của thời kỳ kế hoạch hóa tập trung. Nhận thức được điều đó, vấn đề đầu tư kinh phí cho hoạt động nghiên cứu KHCN trong phạm vi nhà trường đã được lãnh đạo nhà trường chú ý cải thiện từng bước. Nếu như giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới bình quân chung mỗi CB-GV chỉ đạt trên dưới 1 triệu VND/năm cho hoạt động KHCN, thì giai đoạn 2001-2005, số tiền này đã lên tới 6,5 triệu VND. Điều đó có nghĩa là kinh phí cho các đề tài được tăng lên, đảm bảo thu nhập từ các hoạt động nghiên cứu nhờ đó cũng được nâng cao, không thấp hơn so với thu nhập của các hoạt động đào tạo trong phạm vi nhà trường, nhờ đó mà khuyến khích được đội ngũ trong hoạt động NCKH.

3. Phương hướng cơ bản của NCKHCN giai đoạn 2006-2010

Trong gần 30 năm qua, đặc biệt là giai đoạn 2001-2005, đội ngũ thầy cô giáo của trường ĐHKHT TP.HCM đã có nhiều cố gắng để xây dựng và phát triển nhà trường xứng đáng với vị trí là trường trọng điểm của quốc gia, là trung tâm nghiên cứu, giảng dạy khoa học kinh tế có uy tín trong cả nước và khu vực. Trong giai đoạn 2006-2010, trước yêu cầu mới của đất nước đòi hỏi nhà trường phải nỗ lực hơn nữa trong hoạt động nghiên cứu KHCN, do vậy việc xác định đúng đắn phương hướng cho hoạt động này là yêu cầu cấp thiết. Các phương hướng cho giai đoạn tới bao gồm:

3.1. Nghiên cứu những vấn đề của khoa học kinh tế

Để tạo nền tảng cho sự phát triển của khoa học kinh tế ở nước ta trong những năm tới, bên cạnh việc nghiên cứu ứng dụng, trường cần đầu tư đúng mức cho việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong khoa học kinh tế. Đặc biệt là các thuật ngữ trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN như: cơ cấu nhiều thành phần kinh tế, các loại hình DN, thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó phải phải xây dựng chương trình nghiên cứu mang tính trường phái trong đào tạo đại học để xây dựng hệ thống giáo trình mang đặc thù của nền kinh tế chuyển đổi nước ta như: Kinh tế học Việt Nam, Kinh tế chính trị Việt Nam...

3.2. Các chương trình, đề tài NCKH cấp nhà nước

Chủ động tiếp cận với các cơ quan ban ngành TW như Hội đồng lý luận TW, Bộ KHCN để nắm bắt được những nhu cầu NCKH thời kỳ 2006-2010, từ đó xây dựng kế hoạch KHCN của Trường, tích cực tham gia đấu thầu nghiên cứu các đề tài, chương trình cấp nhà nước trong lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh doanh.

3.3. Các chương trình và đề tài NCKH cấp Bộ

Mạnh dạn đề xuất hướng nghiên

cứu trong hệ thống đề tài cấp Bộ, đặc biệt chú trọng nghiên cứu những vấn đề kinh tế cơ bản, phục vụ đổi mới giáo trình và nghiên cứu ứng dụng thực tiễn để nâng cao chất lượng hệ thống chương trình, giáo trình, bài giảng và tài liệu chuyên sâu cho GV, NCS và sinh viên.

Nghiên cứu các đề tài ứng dụng khoa học kinh tế vào thực tiễn phát triển kinh tế ở các vùng, các địa phương, các ngành và các doanh nghiệp của nền kinh tế quốc dân, đặc biệt ở khu vực phía Nam. Cả hai mặt nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng khoa học kinh tế là hàng loạt đề tài phong phú, đa dạng cần lựa chọn để đề ra hướng nghiên cứu thích hợp đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thực tiễn.

3.4. Các đề tài NCKH cấp cơ sở

Hệ thống các đề tài này nhằm nghiên cứu phục vụ giảng dạy và học tập, đặc biệt là xây dựng hệ thống chương trình môn học cho các ngành và chuyên Ngành làm cơ sở cho việc biên soạn tài liệu học tập trong điều kiện đổi mới nội dung chương trình theo hướng tăng tính chủ động trong học tập của SV.

3.5. Hoạt động NCKH công nghệ trong lao động sản xuất

Tiếp tục củng cố và mở rộng hoạt động của các trung tâm NCKH-LĐSX, đặc biệt là các trung tâm đang hoạt động có hiệu quả. Phải coi đây là thế mạnh của trường đối với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Thông qua các hợp đồng nghiên cứu mà nâng cao năng lực NCKH của CBGV, thông qua đó gắn nhà trường với xã hội và cộng đồng doanh nghiệp.

3.6. Các đề tài NCKH trong quan hệ hợp tác quốc tế

Tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng hoạt động HTQT với các trường và các tổ chức quốc tế để trao đổi và tiếp nhận công nghệ đào tạo, quản lý mới, tiên tiến, bồi dưỡng đội ngũ. Chủ động mở rộng quan hệ hợp tác nhằm tăng cường tiềm lực NCKH cho đội ngũ CBGV ■